

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-ST

Ngày: 10-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

Thẩm phán: Ông Lò Văn Lịch.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Bà Hà Thị Vũ.

Ông Lô Quang Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Chang A T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1968, tại huyện M, tỉnh Lai Châu. Nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chang Súa D (Đã chết) và bà Hạng Thị D (Đã chết); có vợ Sùng Thị S, sinh năm 1975 và 06 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 12 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giữ theo Bản án số 17/2015/HS-ST ngày 12/6/2015; Năm 2017 bị cáo Chang A T chấp hành xong hình phạt tù; hiện đã được xóa án tích. Bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/12/2020 đến ngày 22/12/2020 bị bắt tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Chang A V (tên gọi khác: Không), sinh ngày 11/10/2000, tại huyện M, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chang A T, sinh năm 1968 và bà Sùng

Thị S, sinh năm 1975; có vợ Giàng Thị D, sinh năm 1995 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2018, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/12/2020 đến ngày 22/12/2020 bị bắt tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Chang A T*: Ông Lê Đình T, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Chang A V*: Bà Triệu Thị H, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Giàng Thị D, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người phiên dịch tiếng Mông*: Ông Sùng A C, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường Mường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do Chang A T có hẹn giao dịch mua bán ma túy với một người đàn ông quốc tịch Lào là người quen trước đây của T, nên sáng ngày 19/12/2020 T mang theo số tiền 25.000.0000 đồng nhờ con trai là Chang A V điều khiển xe máy chở T đi từ nhà ở bản N, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên đến bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên. Đến bản N, T nói cho V biết T đi mua Thuốc phiện về để sử dụng, V quay về, T đi bộ theo đường mòn đến khu vực mốc 17, biên giới Việt Nam - Lào gặp và mua được của người đàn ông quốc tịch Lào 01 cục Thuốc phiện giá 20.000.000 đồng; 10 túi Methamphetamine giá 5.000.000 đồng, mục đích mang về sử dụng và bán kiếm lời. Mua được ma túy, T cất Thuốc phiện vào ba lô và cất Methamphetamine vào túi áo đang mặc đi bộ về nhà, trên đường đi T gọi điện thoại báo V đến đón. V điều khiển xe máy đến cầu N, xã M, huyện M đón T, gặp nhau T đặt ba lô đựng Thuốc phiện lên giá để hàng phía trước xe máy của V và nói cho V biết bên trong ba lô có Thuốc phiện. V điều khiển xe máy chở T đi về đến khu vực bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên thì bị Công an huyện M phát hiện bắt quả tang; thu giữ trên giá để hàng phía trước xe máy của V 01 ba lô bên trong có 01 cục Thuốc phiện, khối lượng 2.329 gam và thu giữ của Chang A T 10 túi Methamphetamine, khối lượng 173,63 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 59/GĐ-PC09 ngày 30/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- *Mẫu chất dẻo màu nâu đen trích ra từ vật chứng thu giữ của Chang A T gửi giám định là chất ma túy: Loại thuốc phiện.*

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Chang A T là 2.329 gam.

- Thuốc phiện nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 47; Mục ID, Danh mục I, Nghị định 60/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020,

Tại bản Kết luận giám định số: 60/GĐ-PC09 ngày 30/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Các viên nén màu hồng trong 10 (mười) mẫu viên nén ký hiệu từ M1 đến M10 trích ra từ vật chứng thu giữ của Chang A T gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Các viên nén màu xanh trong 10 (mười) mẫu viên nén ký hiệu từ M1 đến M10 trích ra từ vật chứng thu giữ của Chang A T gửi giám định không tìm thấy chất ma túy.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Chang A T là 175,43 gam.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Tại bản Cáo trạng số: 16/CT-VKS-P1 ngày 02/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Chang A T để xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Truy tố Chang A V để xét xử về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Chang A T phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo Chang A V phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy.

Áp dụng điểm h Khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chang A T 20 (Hai mươi) năm tù.

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 250; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Chang A V mức án từ 16 đến 17 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 250 và Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Chang A T, Chang A V.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có khiếu nại gì về các quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau

cùng các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Những người bào chữa cho các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của các bị cáo: trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, xử phạt các bị cáo Chang A T, Chang A V ở mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội và đề nghị không áp dụng Khoản 5 Điều 250, Điều 251 Bộ luật Hình sự, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Về vật chứng vụ án đề nghị trả lại cho gia đình bị cáo Chang A V số tiền 940.000 đồng, 1/2 giá trị chiếc xe máy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giảng Thị D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà xin lại chiếc xe máy HONDA, biển kiểm soát 27S1-086.82 là tài sản chung của vợ chồng, bởi hai vợ chồng chỉ có duy nhất chiếc xe này, nếu bị tịch thu, bà không còn phương tiện nào để đi làm, kiếm sống nuôi các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Sáng ngày 19/12/2020 Chang A T mang theo số tiền 25.000.0000 đồng nhờ con trai là Chang A V điều khiển xe máy chở T đi từ nhà ở bản N, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên đến bản N, xã M, huyện M, tỉnh Điện Biên để mua Thuốc phiện về để sử dụng. Đến bản N, V quay về, T đi bộ theo đường mòn đến khu vực mốc 17, biên giới Việt Nam - Lào gặp và mua được của người đàn ông quốc tịch Lào 01 cục Thuốc phiện giá 20.000.000 đồng; 10 túi Methamphetamine giá 5.000.000 đồng, mục đích mang về sử dụng và bán kiếm lời. Sau khi mua được ma túy, T cất Thuốc phiện vào ba lô và cất Methamphetamine vào túi áo đang mặc rồi gọi điện thoại báo V đến đón. Khi gặp V, T có chỉ nói với V bên trong ba lô có thuốc phiện. Sau đó cả hai cùng đi xe máy để chở theo ba lô về nhà khi đi về đến khu vực bản H, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên thì bị Công an huyện M phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy là vật chứng của vụ án.

Bị cáo Chang A T không phải chịu trách nhiệm hình sự về khối lượng của 20 viên nén màu xanh có khối lượng là 1,8 gam gửi giám định không phải là chất ma túy.

Do đó, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Chang A T đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 251. Hành vi của bị cáo Chang A V đã phạm vào tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi mua bán trái phép 173,63 gam Methamphetamine và 2.329 gam Thuốc phiện của bị cáo Chang A T đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm h Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi vận chuyển trái phép 2.329 gam Thuốc phiện của bị cáo Chang A V đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo Chang A T, Chang A V là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi đó của các bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, trực tiếp là hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt của các bị cáo:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi bị bắt, các bị cáo Chang A T, Chang A V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, căn cứ tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Chang A V phạm tội lần đầu và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Năm 2015 bị cáo Chang A T đã bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 12 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giữ, bị cáo Chang A T chưa bị xử lý hành chính. Nhưng hành vi mua bán trái phép của bị cáo Chang A T và hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy của bị cáo Chang A V là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội nên cần phải xử phạt tù có thời hạn như mức đề nghị của Kiểm sát viên. Đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo Chang A T, Chang A V về mức hình phạt là có căn cứ. Hội đồng xét xử sẽ xem xét áp dụng mức hình phạt cho phù hợp, để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 và Khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự:

“5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của các bị cáo là làm nương, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo về việc đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo có căn cứ để chấp nhận. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[5] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với 2.320,85 gam Thuốc phiện và 171,03 gam Methamphetamine là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định và 01 (một) ba lô du lịch màu đen xanh có in hình logo quả táo, ba lô cũ đã qua sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 940.000 đồng (Chín trăm bốn mươi nghìn đồng) đã thu giữ của bị cáo Chang A V không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 chiếc điện thoại hiệu itel màu xanh, viên đen có bàn phím bấm đã qua sử dụng của Chang A V do bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh đen bạc, số loại JA391WAVE, loại xe Hai bánh từ 50 – 175 cm³, biển kiểm soát 27S1-086.82, bị cáo Chang A V đã sử dụng làm phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử thấy rằng đó là tài sản chung của bị cáo và bà Giàng Thị D nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe máy đó và trả lại cho bà Giàng Thị D (vợ của bị cáo Chang A V) 1/2 giá trị chiếc xe máy trên.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Chang A V, Chang A T do các bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, gia đình các bị cáo thuộc hộ nghèo.

[7] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án theo lời khai của bị cáo Chang A T, người đàn ông quốc tịch Lào bán Thuốc phiện và Methamphetamine cho Chang A T, do T không biết rõ nhân thân lai lịch; quá trình điều tra không đủ căn cứ điều tra xác minh làm rõ; cơ quan điều tra, truy tố không đặt vấn đề xem xét trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h Khoản 4 Điều 251; điểm a Khoản 3 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Chang A T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị cáo Chang A V phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm h Khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38, Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Chang A T 20 (Hai mươi) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2020.

2.2 Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 250; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Chang A V 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 19/12/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 2.320,85 gam Thuốc phiện và 171,03 gam Methamphetamine là vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định.

- 01 (một) ba lô du lịch màu đen xanh có in hình logo quả táo, ba lô đã cũ đã qua sử dụng.

*** Trả lại cho bị cáo Chang A V:**

- 01 phong bì công văn của Công an huyện M được dán kín. Mặt trước phong bì ghi chữ viết tay: “Vật chứng: Chang A V, sinh năm 2000, trú tại: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên”. Vật chứng là số tiền 940.000 đồng (Chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

*** Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước:**

- 01 chiếc điện thoại hiệu itel màu xanh, viền đen có bàn phím bấm đã qua sử dụng thu giữ của Chang A V.

- ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: xanh đen bạc, số loại **JA391WAVE**, loại xe: Hai bánh từ 50 - 175 cm³, dung tích xi lanh: 109,1; biển kiểm soát: 27S1-086.82, số máy: JA39E-1384263, số khung: RLHJA3916LY048557, xe cũ, đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu bên phải, thu giữ của Chang A V.

*** Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giàng Thị D:**

- ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu: HONDA, màu sơn: xanh đen bạc, số loại **JA391WAVE**, loại xe: Hai bánh từ 50 - 175 cm³, dung tích xi lanh: 109,1; biển kiểm soát: 27S1-086.82, số máy: JA39E-1384263, số khung: RLHJA3916LY048557, xe cũ, đã qua sử dụng, không có gương chiếu hậu bên phải, thu giữ của Chang A V.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 02/02/2021).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Chang A T, Chang A V.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 10/3/2021).

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Những người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn